

QUYẾT ĐỊNH

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH CÀ MAU

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính phủ và Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật thi đua, khen thưởng ngày 26 tháng 11 năm 2003; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 14 tháng 6 năm 2005 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng ngày 16 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Căn cứ Thông tư số 15/2014/TT-BNV ngày 31 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Phòng Nội vụ thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh;

Căn cứ Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 201/TTr-SNV ngày 30 tháng 6 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau, cụ thể như sau:

1. Điểm a, b khoản 2 Điều 4 sửa đổi như sau:

“Điều 4. Nguyên tắc và căn cứ xét tặng danh hiệu thi đua và khen thưởng

2. Nguyên tắc khen thưởng và căn cứ xét khen thưởng:

a) Nguyên tắc khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 1 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013; Điều 3 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng; Điều 3 Thông tư số 12/2019/TT-BNV ngày 04 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 91/2017/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật thi đua, khen thưởng;

b) Căn cứ xét khen thưởng thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003; khoản 5, khoản 7 Điều 2 Thông tư số 12/2019/TT-BNV.”

2. Điều 6 sửa đổi như sau:

“Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

Nội dung tổ chức phong trào thi đua thực hiện theo quy định tại Điều 5 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 5 Thông tư số 12/2019/TT-BNV. Ngoài ra, người đứng đầu đơn vị, địa phương trong phạm vi quản lý còn triển khai, tổ chức các phong trào thi đua theo các nội dung sau:

1. Tổ chức phát động, đăng ký và ký kết giao ước thi đua giữa tập thể với tập thể, giữa cá nhân với cá nhân, giữa gia đình với gia đình trong từng đơn vị, địa phương.

2. Phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm, cách làm hay, hiệu quả để mọi người học tập. Việc phát hiện, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng gương điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.”

3. Khoản 1 Điều 9 sửa đổi như sau:

“Điều 9. Danh hiệu Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh

1. Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh tặng cho tập thể có thành tích xuất sắc, tiêu biểu, dẫn đầu phong trào thi đua của Cụm, Khối thi đua do tỉnh tổ chức, đạt các tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 26 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, Điều 12 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 8 Thông tư số 12/2019/TT-BNV. Các trường hợp đủ tiêu chuẩn đề nghị tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Chính phủ khen thưởng theo quy định và không ban hành quyết định tặng Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh.”

4. Điều 10 sửa đổi như sau:

“Điều 10. Danh hiệu Tập thể Lao động xuất sắc

1. Tặng cho tập thể tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những tập thể đạt danh hiệu “Tập thể lao động tiên tiến” và đạt tiêu chuẩn theo quy định tại khoản 1 Điều 27 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.

2. Đối tượng được xét tặng:

a) Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương; các phòng, ban, khoa, đơn vị trực thuộc chi cục, các bệnh viện, trung tâm thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;

b) Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Công ty, doanh nghiệp, hợp tác xã và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng;

c) Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn;

d) Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo gồm: Các trường trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên, trung học phổ thông, trung học cơ sở, tiểu học, mầm non, mẫu giáo; các phòng, khoa thuộc trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục thường xuyên (không xét tổ, nhóm thuộc trường).

3. Số lượng đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh công nhận danh hiệu “Tập thể lao động xuất sắc” được xét chọn không quá: 1/3 trong tổng số các phòng, ban, đơn vị trực thuộc và tương đương của các đơn vị, địa phương; 1/3 các phòng, ban và tương đương thuộc đơn vị trực thuộc và tương đương của các đơn vị, địa phương.”

5. Điều 11 sửa đổi như sau:

“Điều 11. Danh hiệu Tập thể Lao động tiên tiến

Được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Luật thi đua, khen thưởng năm 2003.”

6. Điều 15 sửa đổi như sau:

“Điều 15. Hình thức khen thưởng cấp Nhà nước

Huân chương Sao vàng; Huân chương Hồ Chí Minh; Huân chương Độc lập (các hạng); Huân chương Lao động (các hạng); Huân chương Đại đoàn kết dân tộc; Huân chương Dũng cảm; Huân chương Hữu nghị; Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ: được thực hiện theo quy định của Luật thi đua, khen thưởng năm 2003, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thi đua, khen thưởng năm 2013; Nghị định số 91/2017/NĐ-CP; Thông tư số 12/2019/TT-BNV.”

7. Sửa đổi điểm a khoản 3, sửa đổi điểm c và bổ sung điểm e khoản 4 Điều 16 như sau:

“Điều 16. Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh

3. Khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt giải trong các kỳ thi, hội thi, hội diễn:

a) Tặng cho tập thể, cá nhân đạt giải Nhất, Nhì, Ba hoặc đạt Huy chương Vàng, Bạc, Đồng tại các kỳ thi, hội thi, hội diễn quốc tế hoặc cấp quốc gia;

4. Khen thưởng thành tích thi đua theo đợt, chuyên đề:

c) Tặng cho tập thể, cá nhân thuộc ngành dọc do Trung ương quản lý và các doanh nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ và các phong trào thi đua có phạm vi ảnh hưởng trong toàn tỉnh, góp

phần xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (đề nghị khen thưởng vào thời điểm tổng kết năm và năm trước của năm đề nghị khen thưởng chưa được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen về thành tích này).

Đối với các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội đề nghị không quá 02 tập thể và 05 cá nhân; đề nghị khen thưởng tổng kết nhiệm kỳ không quá 03 tập thể và 10 cá nhân;

e) Khen thưởng cho tập thể, cá nhân tiêu biểu trong thực hiện chính sách, pháp luật thuế hàng năm khi đạt các tiêu chuẩn sau: Chấp hành tốt chủ trương, chính sách, pháp luật của Đảng, nhà nước; sản xuất kinh doanh hiệu quả, vượt chỉ tiêu nộp ngân sách của kế hoạch năm, tổng số thuế phát sinh nộp ngân sách năm sau cao hơn năm trước. Trường hợp, do nguyên nhân khách quan nên số thuế nộp ngân sách giảm so với năm trước, nhưng vẫn thực hiện tốt nghĩa vụ nộp thuế đối với nhà nước và các quy định khác, nhiều năm liền có số thuế nộp lớn, có nhiều đóng góp quan trọng cho ngân sách của tỉnh, góp phần cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Cà Mau thì vẫn được xem xét khen thưởng.”

8. Khoản 6 Điều 20 sửa đổi như sau:

“Điều 20. Tuyến trình khen thưởng

6. Đối với tập thể, cá nhân lập được thành tích đột xuất hoặc thành tích đặc biệt xuất sắc trong các lĩnh vực có tầm ảnh hưởng đối với tỉnh hoặc khu vực, quốc gia, quốc tế do đơn vị, địa phương quản lý trực tiếp hoặc cơ quan thông tin, truyền thông phát hiện, biểu dương đề nghị khen thưởng.”

9. Khoản 1 Điều 21 sửa đổi như sau:

“Điều 21. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ khen thưởng

1. Quy định chung về thủ tục, hồ sơ khen thưởng thực hiện theo quy định tại Điều 45 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và khoản 3 Điều 10 Thông tư số 12/2019/TT-BNV.”

10. Khoản 1 Điều 24 sửa đổi như sau:

“Điều 24. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng

1. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh được thực hiện theo quy định tại Điều 63 Nghị định số 91/2017/NĐ-CP và Điều 11 Thông tư số 12/2019/TT-BNV, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định thành lập và ban hành Quy chế hoạt động.”

Điều 2. Thay thế cụm từ “Ban Thi đua - Khen thưởng, Sở Nội vụ” thành cụm từ “Sở Nội vụ” tại các khoản 2 Điều 5; khoản 7 Điều 18; Điều 19; khoản 2 Điều 21; khoản 2 Điều 28 và thay thế cụm từ “Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng)” thành cụm từ “Sở Nội vụ” tại khoản 2 Điều 29 Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Cà Mau ban hành kèm theo Quyết định số 32/2018/QĐ-UBND ngày 14 tháng 11 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 8 năm 2020.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ và Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố Cà Mau; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nội vụ;
- Vụ Pháp chế, Bộ Nội vụ;
- Ban Thi đua - Khen thưởng Trung ương;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh Cà Mau;
- Chủ tịch, PCT UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp (tự kiểm tra);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Ban Thi đua - Khen thưởng tỉnh;
- Phòng NC (Đ);
- Lưu: VT, M.A135/7.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Hồng Quân